

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 11 - 2018

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm A Tác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Pinăng Nua

2. Bà Cadá Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái tham gia phiên tòa:

Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lại Văn T, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Bắc S, xã Bắc B, huyện Lập T, tỉnh VP.

2. Bị đơn: Chị Kator Thị KT, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Ha Lá H, xã Phước T, huyện Bắc A, tỉnh Ninh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, anh Lại Văn T và anh Kator Thị KT trình bày:

Anh và chị KT lấy nhau và đăng ký kết hôn ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc B, huyện Lập T, tỉnh VP. Sau thời gian ngắn sống chung với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp và không cùng chung quan điểm sống nên từ tháng 9/2017 chị KT đã bỏ về quê tại xã Phước T, huyện Bắc A sinh sống. Từ đó, giữa hai người không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Anh T nhận thấy Hạnh phúc gia đình không có và mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị KT.

Về con chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/10/2018, anh Lại Văn T làm đơn đến Tòa án xin được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của bị đơn Kator Thị KT kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Nguyên đơn anh Lại Văn T chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là có cơ sở.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, chị Kator Thị KT hiện đang làm ăn sinh sống tại thôn Ha Lá H, xã Phước T, huyện Bắc A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh T và chị KT cũng như các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Anh T và chị KT lấy nhau và đăng ký kết hôn ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc B, huyện Lập T, tỉnh VP. Đến nay, anh T có yêu cầu ly hôn thì được giải quyết theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Lại Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 06/9/2018, anh Lại Văn T làm đơn đến Tòa án huyện Bắc A yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với Kator Thị KT nên áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/10/2018, anh Lại Văn T làm đơn đến Tòa án xin được xét giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Lại Văn T và chị Kator Thị KT lấy nhau và đăng ký kết hôn ngày 08/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc B, huyện Lập T, tỉnh VP. Sau thời gian ngắn sống chung với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp và không cùng chung quan điểm sống nên từ tháng 9/2017 chị KT đã bỏ về quê tại xã Phước T, huyện Bắc A sinh sống. Từ đó, giữa

hai người không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Anh T nhận thấy hạnh phúc gia đình không có và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T làm đơn đến Tòa án xin giải quyết được ly hôn với chị KT. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh T được ly hôn với KT.

2.2 Về con chung: không có, nên không đề cập đến.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị KT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc Anh Lại Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà anh Tại đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014801 ngày 19/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc A, anh T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Lại Văn T được ly hôn với chị Kator Thị KT.

Về án phí: Buộc Anh Lại Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà anh Tại đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014801 ngày 19/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc A, anh T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị đơn có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện Bắc A;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc B – Lập T – VP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm A Tác
(Đã ký)

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện Bắc A;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sấm A Tắc

